

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Lệ Thi;

- Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra , Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2002/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: số 355, tổ 5, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Gi K, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 5, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Bà và ông K do tự quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 1998. Đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 621 ngày 24/7/2004.

Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông K cờ bạc gây nợ cho gia đình và không quan tâm đến bà, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông K;

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/02/1998 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 03/6/2002, đều đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Gi K trình bày:

Thống nhất với lời khai của bà Q về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, địa điểm chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và về con chung. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên theo ông đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đến mức trầm trọng. Do đó, bà Q yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/02/1998 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 03/6/2002, đều đã trưởng thành và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, bà Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông K.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy

đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị Đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử nhưng vắng mặt nhiều lần không rõ lý do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 BLTTDS năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Tòa án thu thập cũng như lời trình bày của bị đơn thể hiện: Năm 1998, bà Q và ông K tự tìm hiểu, quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C vào ngày 24/7/2004 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông K không quan tâm cho gia đình mà chỉ biết ăn chơi, thậm chí còn có những hành động đánh đập vợ, đập phá tài sản. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng không thể hàn gắn bà Quyền yêu cầu ly hôn với ông K. Bị đơn ông K cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, ông không đồng ý ly hôn.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, bà Q ông K xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông K thiếu sự quan tâm chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng và có những hành động bạo lực dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó việc bà Q yêu cầu ly hôn với ông K là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 người con Nguyễn Minh N, sinh năm 1998 và Nguyễn Tường V, sinh năm 2002, cả hai đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Nguyên đơn bà Lê Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Gi K, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông K cư trú tại thành phố C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Bà Q và ông K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông K là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Q xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông K cờ bạc gây nợ cho gia đình và không quan tâm đến bà và vợ chồng không còn sống chung từ năm 2021 đến nay, do đó bà Q yêu cầu ly hôn với ông K.

Theo biên bản xác minh ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang được biết ông K có thường xuyên uống rượu, cờ bạc dưới hình thức đá gà, tài xỉu, vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau.

Xét vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, bà Q, ông K thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn hiện không còn sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, ông K không quan tâm chăm sóc gia đình, bà Q đã nhiều lần cho ông K nhiều cơ hội để vợ chồng hàn gắn, nhưng ông K không thay đổi. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông K rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Quyền đối với ông Khánh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Q, ông K xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh có 02 con chung tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 03/02/1998 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 03/6/2002, đều đã trưởng thành và tự lao động được; bà Q, ông K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q, ông K xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q.

Bà Lê Thị Q được ly hôn với ông Trần Gi K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 621 ngày 24/7/2004 do Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Q và ông Trần Gi K không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002192 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C; bà Lê Thị Q đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Gi K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Q là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Gi K là 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.C (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Lâm Ngọc Phụng**